

Số: 11/2025/QĐST-DS

Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V2); địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S - số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh H - Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng - Vùng Bắc Trung B - Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ VIB.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Thanh H: Ông Phạm Văn K, ông Lê Nguyễn Hữu T, ông Lê Đức T1, ông Trương Võ Văn Q (Theo Giấy uỷ quyền số 092433.25 ngày 17/4/2025).

Địa chỉ liên hệ: Số I Đ, phường P, thành phố H.

- Bị đơn: Bà Tôn Nữ Cẩm V1, sinh năm: 1974 và ông Lê Quang L, sinh năm: 1975; Cùng địa chỉ: Kiệt A N, phường P, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ, nghĩa vụ thanh toán nợ và thời hạn thanh toán:

Ông Lê Quang L và bà Tôn Nữ Cẩm V1 có giao dịch vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 theo Hợp đồng tín dụng số 6623311.22 ngày 10/10/2022 kèm Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ các ngày 13/10/2022 và 20/10/2022; Đề nghị phát hành thẻ ngày 12/10/2022.

Tính đến ngày 04/8/2025, ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** còn nợ **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1** theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tổng số là: 917.424.377 đồng (trong đó, theo Hợp đồng tín dụng số 6623311.22: nợ gốc 780.991.000 đồng, nợ lãi: 64.647.748 đồng; nợ thẻ tín dụng là: 71.785.629 đồng gồm nợ gốc: 46.512.861 đồng, nợ lãi: 9.932.882 đồng, phí: 15.339.886 đồng).

Ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1** toàn bộ số tiền còn nợ là 917.424.377 đồng, chậm nhất là vào ngày 04/9/2025.

Kể từ ngày 05/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp:

Đến hết ngày 04/9/2025, nếu ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1** có quyền có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 178, tờ bản đồ số: 29, địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H)** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY887727, số vào sổ cấp GCN: CS 00286 do **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp cho ông **Phạm Ngọc Đ** và bà **Công Tăng Tôn Nữ Khánh M** ngày 15/12/2020; được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (cũ)** xác nhận biến động chuyển quyền sử dụng lần cuối cho bà **Tôn Nữ Cẩm V1** ngày 06/10/2022; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1876123.22 ký ngày 11/10/2022.

Tài sản bảo đảm sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.000.000 đồng. **Ngân hàng TMCP Q1** đã nộp tạm ứng trước nên ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** có trách nhiệm trả lại số tiền này cho **Ngân hàng TMCP Q1**.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.761.366 đồng.

Ông **Lê Quang L** và bà **Tôn Nữ Cẩm V1** tự nguyện chịu 19.761.366 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.010.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001277 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Xuân (cũ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 2 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Như Thuần

